

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNST

Ngày: 10/3/2022

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tổng Nê

2. Ông Trần Văn Tiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Lê Thị
Ngọc Phân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 583/2021/TLST-
HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc: "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

Ngô Đức M, sinh năm 1986

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn:

Bùi Thị H, sinh năm 1989

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh M, chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021, bản tự khai, những lời khai tiếp theo
cũng như tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/02/2022, nguyên đơn anh Ngô
Đức M trình bày:

Anh M và chị Bùi Thị H kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện,
có đăng ký kết hôn và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008.
Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp, thường hay
cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay anh M xác định tình

cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh M được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Tú N sinh ngày 01/02/2008 và Ngô Hoàng Tâm sinh ngày 18/12/ 2009. Sau ly hôn, anh M yêu cầu nuôi hai con chung và tại Toà anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/01/2022 của Toà án, bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị H kết hôn với anh M năm 2008, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay anh M yêu cầu ly hôn chị H đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Tú N sinh ngày 01/02/2008 và Ngô Hoàng Tâm sinh ngày 18/12/ 2009. Sau ly hôn, chị H đồng ý để anh M nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh M với chị H. Sau ly hôn anh M được nuôi hai con chung. Ghi nhận việc anh M không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn. Về tài sản chung: không có. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo như anh M chị H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng anh M chị H sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Biên bản làm việc xác M của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với người dân tại nơi vợ chồng anh M, chị H sống cũng như người thân của anh M, chị H thì vợ chồng anh M chị H đã có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Chị H đã về gần nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp Tân Phong Ngoại xã Tân Thạch sống gần hai năm nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh M, chị H đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của anh M chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh M là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Tú N sinh ngày 01/02/2008 và Ngô Hoàng Tâm sinh ngày 18/12/2009. Sau ly hôn, anh M yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét thấy hiện nay anh M đang nuôi hai con chung, hai cháu N và Tâm đều có nguyện vọng sống với cha. Chị H đồng ý việc anh M được nuôi hai con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai cháu, cần để anh M được quyền nuôi hai cháu N và Tâm là phù hợp. Ghi nhận việc anh M không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa ghi nhận.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Anh M, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Đức M đối với chị Bùi Thị H.

Anh Ngô Đức M được ly hôn với chị Bùi Thị H.

Ghi nhận việc anh M, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2. Về con chung: Sau ly hôn, anh M được quyền nuôi hai con chung là Ngô Thị Tú N sinh ngày 01/02/2008 và Ngô Hoàng Tâm sinh ngày 18/12/ 2009.

Ghi nhận việc anh M không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án ghi nhận.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án ghi nhận.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Anh M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà anh M đã nộp theo biên lai thu số 0001277 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Anh M, chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Giao Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phụng

